

Số: 02-03/2023/QBS-CBTT

Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN  
NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP. HCM**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Quảng Bình
- Mã chứng khoán: QBS
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 23 Lô 01 Khu 97 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng
- Điện thoại: (0225) 626.3333
- Fax: (0225) 3533.679
- Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Thị Ngọc Ninh

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố (\*):**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn:  
<https://quangbinhjsc.com.vn/news/560-bao-cao-tai-chinh-da-duoc-kiem-toan-nam-2022>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

\* Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022

- Công văn giải trình Báo cáo tài chính năm

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

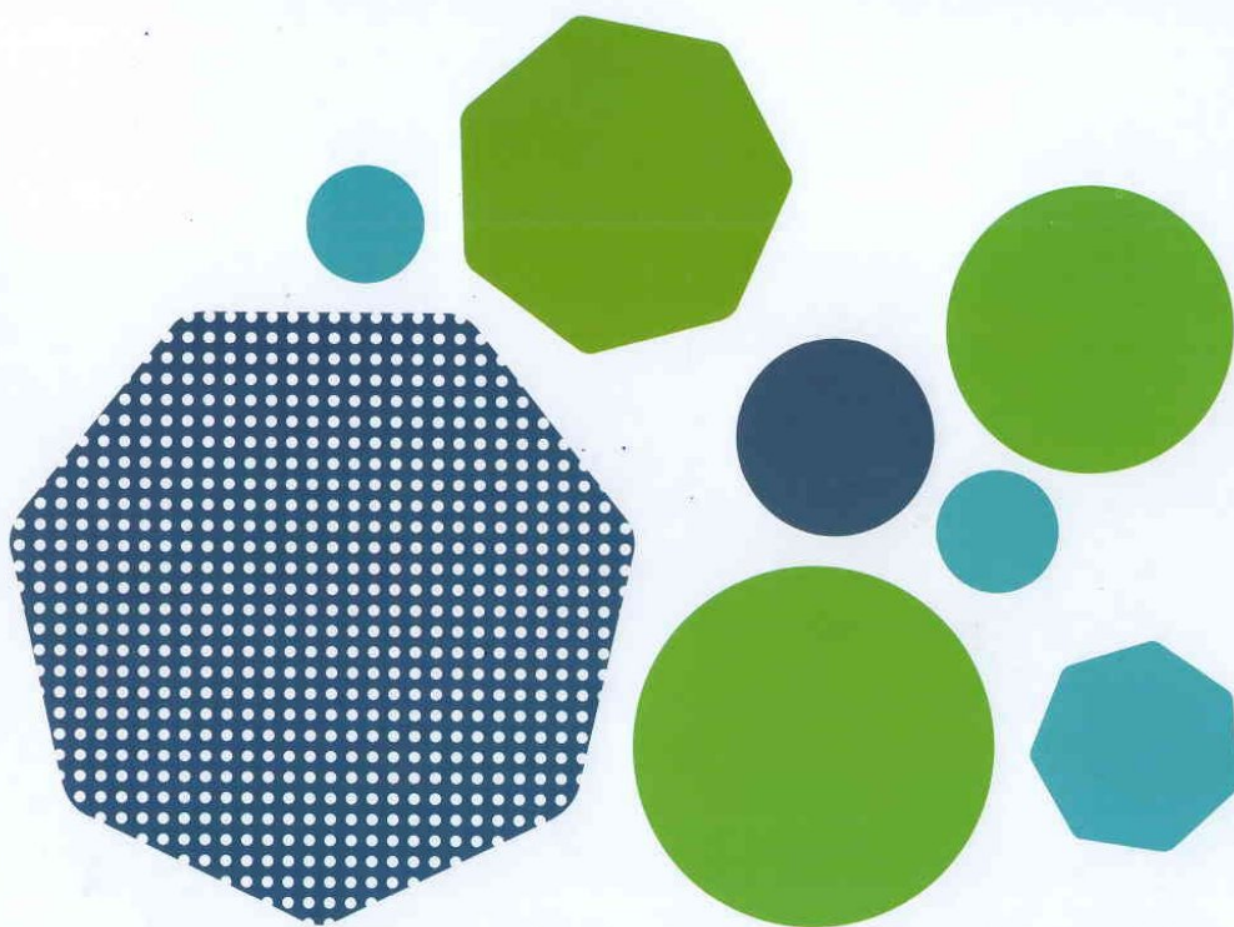


**PHẠM THỊ NGỌC NINH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2022**



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2022**





**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH</b>	2 - 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 - 5
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	6 - 7
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	8
<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ</b>	9 - 10
<b>• THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	11 - 41





**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình (sau đây được gọi là “Công ty”) đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2022 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Bà Vũ Thị Dương	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 21/07/2022)
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch	(Từ nhiệm ngày 21/07/2022)
Bà Hà Thị Mai Hương	Thành viên	
Bà Lê Thị Thanh Hải	Thành viên	

**Ban Kiểm soát**

Bà Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Hoàng Văn Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc

**CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng, ngoài sự kiện đã được thuyết minh tại Thuyết minh số 32.3 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán, có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;





## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Vũ Thị Dương

*Vũ Thị Dương*

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2023





Số: 350 /2023/UHY-HN/BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành  
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28/03/2023, từ trang 06 đến trang 41 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.





## BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 32.2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Trong năm 2022, doanh thu của Công ty giảm 76,41% so với năm 2021, kết quả kinh doanh lỗ 138.700.489.817 đồng, lỗ lũy kế 220.217.002.727 đồng và dòng tiền lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh âm 104.388.281.513 đồng. Các vấn đề này cùng với những vấn đề khác được nêu tại Thuyết minh số 32.2 cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định về hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác và đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính này tại ngày 28/03/2022 do không được tham gia chứng kiểm kê hàng tồn kho tại ngày kết thúc niên độ.



**Đặng Minh Đức**  
**Giám đốc**

Giấy ĐKHN Kiểm toán số 4885-2020-112-1  
Thay mặt và đại diện cho

**CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2023

**Trần Hồng Giang**  
**Kiểm toán viên**

Giấy ĐKHN Kiểm toán số: 3893-2022-112-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31/12/2022

Mẫu số B01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>561.460.392.378</b>	<b>769.336.089.430</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	10.852.051.281	13.097.514.020
Tiền	111		852.051.281	3.097.514.020
Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		500.337.057.963	754.825.107.483
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	566.369.527.340	754.478.646.236
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	76.948.704.893	8.382.192.893
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	1.965.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	334.045.389	433.887.855
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(143.315.219.659)	(10.434.619.501)
Hàng tồn kho	140	10	50.039.495.798	652.087.280
Hàng tồn kho	141		50.039.495.798	652.087.280
Tài sản ngắn hạn khác	150		231.787.336	761.380.647
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.369.770	110.890.473
Thuế GTGT được khấu trừ	152		20.417.566	650.490.174
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	210.000.000	-
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>16.994.632.435</b>	<b>486.746.051.173</b>
Tài sản cố định	220		12.759.327.989	95.446.255.947
Tài sản cố định hữu hình	221	13	12.759.327.989	15.046.255.947
- Nguyên giá	222		20.597.334.495	23.554.198.131
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.838.006.506)	(8.507.942.184)
Tài sản cố định vô hình	227	12	-	80.400.000.000
- Nguyên giá	228		-	80.400.000.000
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	1.188.407.637
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.188.407.637
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	4.219.882.432	390.111.387.589
Đầu tư vào công ty con	251		-	432.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		4.560.000.000	20.160.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(340.117.568)	(62.048.612.411)
Tài sản dài hạn khác	260		15.422.014	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	15.422.014	-
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>578.455.024.813</b>	<b>1.256.082.140.603</b>



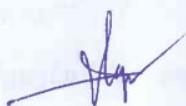
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 31/12/2022

Mẫu số B01-DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>92.929.398.243</b>	<b>631.856.024.216</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>92.112.731.588</b>	<b>468.257.607.557</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	6.980.833.810	109.629.662.701
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		214.783.600	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	56.354.803	545.961.989
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	34.842.535.241	116.180.008.765
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	42.241.999.997	234.125.749.965
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.776.224.137	7.776.224.137
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>816.666.655</b>	<b>163.598.416.659</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	816.666.655	163.598.416.659
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>485.525.626.570</b>	<b>624.226.116.387</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>485.525.626.570</b>	<b>624.226.116.387</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		693.299.280.000	693.299.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		693.299.280.000	693.299.280.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.249.100.000)	(3.249.100.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		15.692.449.297	15.692.449.297
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(220.217.002.727)	(81.516.512.910)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(81.516.512.910)	(86.095.889.432)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(138.700.489.817)	4.579.376.522
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>578.455.024.813</b>	<b>1.256.082.140.603</b>


Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Thúy

Kế toán trưởng



Trần Thị Yến Chi

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Vũ Thị Dương



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B02-DN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	359.357.021.692	1.523.133.726.355
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		359.357.021.692	1.523.133.726.355
Giá vốn hàng bán	11	20	359.170.471.955	1.464.100.865.514
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		186.549.737	59.032.860.841
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	348.804.164	3.143.206.708
Chi phí tài chính	22	22	(39.876.285.008)	48.511.853.480
* Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21.508.602.092	43.954.870.693
Chi phí bán hàng	25	23	1.056.974.720	196.879.496
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	139.227.729.712	9.691.043.808
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(99.873.065.523)	3.776.290.765
Thu nhập khác	31	24	36.398.137.926	4.877.867.587
Chi phí khác	32	25	75.225.562.220	2.779.160.196
Lợi nhuận khác	40		(38.827.424.294)	2.098.707.391
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(138.700.489.817)	5.874.998.156
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	1.295.621.634
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(138.700.489.817)	4.579.376.522
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	(2.001)	66
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	28	(2.001)	66

Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Thúy

Kế toán trưởng

Trần Thị Yến Chi

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Vũ Thị Dương



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B03-DN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>		<b>(138.700.489.817)</b>	<b>5.874.998.156</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.378.389.500	1.487.038.485
Các khoản dự phòng	03		71.172.105.315	6.152.562.201
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		323.593.368	333.102.071
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		74.376.822.476	(261.297.484)
Chi phí lãi vay	06		21.508.602.092	43.954.870.693
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>30.059.022.934</b>	<b>57.541.274.122</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		120.024.124.138	(107.193.451.629)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(48.518.546.336)	16.076.968.495
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(138.835.226.374)	(65.131.172.456)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		94.098.689	(1.965.114)
Tiền lãi vay đã trả	14		(66.456.132.930)	(539.088.947)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(755.621.634)	(954.870.015)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(104.388.281.513)</b>	<b>(100.202.305.544)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		6.902.727.273	1.960.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.600.000.000)	(4.765.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.565.000.000	12.800.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		447.600.000.000	34.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		335.876.630	1.520.134.323
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>456.803.603.903</b>	<b>45.515.134.323</b>



16

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B03-DN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		-	58.577.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(354.665.499.972)	(1.902.999.972)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(354.665.499.972)</b>	<b>56.674.000.028</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(2.250.177.582)</b>	<b>1.986.828.807</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>13.097.514.020</b>	<b>11.110.233.020</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.714.843	452.193
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>10.852.051.281</b>	<b>13.097.514.020</b>

Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nguyễn Thị Thanh Thúy

Trần Thị Yến Chi



Vũ Thị Dương



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B09-DN**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0200730878 ngày 12/03/2007, đã đăng ký thay đổi lần thứ 30 vào ngày 29/07/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty ngày 31/12/2022 là 693.299.280.000 đồng chia thành 69.329.928 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với số lượng 69.329.928 cổ phiếu niêm yết tương ứng 693.299.280.000 đồng với mã chứng khoán là QBS.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 27 người (tại ngày 31/12/2021 là 36 người).

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Dịch vụ xuất khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón, bán buôn hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy).

**1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**1.5 CẤU TRÚC CÔNG TY**

Công ty có 1 đơn vị phụ thuộc là Chi nhánh tại Quảng Bình với hoạt động kinh doanh chính là thương mại và dịch vụ.

**1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31/12/2022.

**2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Riêng chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2 NGOẠI TỆ**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong năm bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Mẫu số B09-DN**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3.2 NGOẠI TỆ (TIẾP)**

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá.

**3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.



Ch



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp

đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**3.6 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được).

Tại ngày 31/12/2022, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

#### 3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50
- Máy móc, thiết bị	05 - 06
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

#### 3.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 2 năm.

#### 3.9 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố Hồ Chí Minh.

#### 3.10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi vay, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong năm báo cáo nhưng chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong năm, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

#### 3.11 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

#### 3.12 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 3.14 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu kinh doanh thương mại các mặt hàng phân bón, hóa chất và cho thuê lại kho, cho thuê ô tô,.....

##### Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3.14 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)**

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**3.15 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá, dự phòng đầu tư tài chính.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Mẫu số B09-DN**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3.16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.17 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các thông tin với bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Mẫu số B09-DN**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Tiền mặt	279.801.979	273.731.839
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	572.249.302	2.823.782.181
- Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.852.051.281</b>	<b>13.097.514.020</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng có giá trị 10.000.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cao Bằng với lãi suất 4%/năm. Đây là hợp đồng tiền gửi ký quỹ có kỳ hạn nhằm mục đích đảm bảo thực hiện điều kiện kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh.





**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
- Đầu tư vào công ty con	-	-	-	432.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ	-	-	-	432.000.000.000
- Đầu tư vào đơn vị khác	4.560.000.000	(340.117.568)	(*)	(5.053.717.834)
+ Công ty Cổ phần Thương mại Abavia Việt Nam	4.560.000.000	(340.117.568)	(*)	(704.716.254)
+ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội	-	-	-	(4.349.001.580)
<b>Cộng</b>	<b>4.560.000.000</b>	<b>(340.117.568)</b>	<b>(*)</b>	<b>(62.048.612.411)</b>

(\*) Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Thông tin chi tiết về các Công ty được góp vốn tại ngày 31/12/2022 như sau:

Đầu tư vào công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thương mại Abavia Việt Nam	Số 14 Hào Nam, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	19 %	19 %	Kinh doanh thương mại



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>566.369.527.340</b>	<b>(136.480.886.330)</b>	<b>754.478.646.236</b>	<b>(3.533.489.372)</b>
- Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Nhật Thủy Thành phố Nam Ninh	9.595.261.492	(6.716.683.044)	10.028.308.433	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Abavia Việt Nam	106.841.350.000	(4.493.205.000)	178.676.350.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và TM Quốc tế Bình Minh Việt	154.341.017.458	(14.856.000.000)	281.841.995.000	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Phân bón Đình vũ	107.316.072.995	(107.316.072.995)	116.148.072.995	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương	6.582.754.985	-	84.662.050.000	-
- Công ty Cổ phần Coparadise Việt Nam	-	-	70.346.200.000	-
- Công ty TNHH TM và Đầu tư Hoàng Cầu	119.994.850.000	-	-	-
- Công ty Cổ Phần XNK Hà Nội	51.740.000.000	-	-	-
- Khách hàng khác	9.958.220.410	(3.098.925.291)	12.775.669.808	(3.533.489.372)
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>566.369.527.340</b>	<b>(136.480.886.330)</b>	<b>754.478.646.236</b>	<b>(3.533.489.372)</b>

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 32.1





**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>76.948.704.893</b>	<b>(6.685.116.707)</b>	<b>8.382.192.893</b>	<b>(6.751.913.507)</b>
- Công ty Cổ phần XNK Đức Nguyễn - VT	35.222.400.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Hoá chất Phúc Lâm	4.465.825.912	(4.465.825.912)	4.465.825.912	(4.465.825.912)
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và XNK Trần Trang	31.280.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Dầu tư và Tư vấn AZ	2.265.000.000	-	-	-
- Khách hàng khác	3.715.478.981	(2.219.290.795)	3.916.366.981	(2.286.087.595)
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>76.948.704.893</b>	<b>(6.685.116.707)</b>	<b>8.382.192.893</b>	<b>(6.751.913.507)</b>

Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 32.1

**8. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>334.045.389</b>	<b>(149.216.622)</b>	<b>433.887.855</b>	<b>(149.216.622)</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	72.328.767	-	59.671.233	-
- Ký cược, ký quỹ	112.500.000	-	225.000.000	-
- Phải thu khác	149.216.622	(149.216.622)	149.216.622	(149.216.622)
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>334.045.389</b>	<b>(149.216.622)</b>	<b>433.887.855</b>	<b>(149.216.622)</b>

Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 32.1



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**9. NỢ XẤU**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Các khoản phải thu quá hạn thanh toán</b>				
- Công ty Cổ phần Hóa chất Phúc Lâm	4.465.825.912	-	4.465.825.912	4.465.825.912
- Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Spotlight	2.863.598.538	-	2.863.598.538	2.863.598.538
- Công ty Cổ phần EEI	210.000.000	-	210.000.000	210.000.000
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Trung Nguyên	4.650.000	-	4.650.000	4.650.000
- AI Hamd Argo Food Products PVT.Ltd	701.400.000	-	701.400.000	701.400.000
- ALRVAK LTD	698.436.360	-	698.436.360	698.436.360
- M/S Blue Park SeaFood SPVT.Ltd	115.260.000	-	115.260.000	115.260.000
- Hong Kong Jun YU International Import and Export Trading Co, Ltd	76.440.621	22.932.186	53.508.435	171.864.621
- IBer Digest S.L	208.071.000	-	208.071.000	208.071.000
- Siddiq Sea Food	114.120.000	-	114.120.000	114.120.000
- South Fish SeaFood S.A.C	113.845.000	-	113.845.000	113.845.000
- Công ty TNHH TM Hóa chất An Phát	43.647.749	-	43.647.749	43.647.749
- YonShing Trade Co.Ltd	191.679.004	-	191.679.004	191.679.004
- Cano Pus Inter - Trade Pte Ltd	149.216.622	-	149.216.622	149.216.622
- Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem	-	-	-	869.128.162
- Công ty TNHH TM XNK Nhật Thụy Thành phố Nam Ninh	9.595.261.492	2.878.578.448	6.716.683.044	434.564.081
- Công ty CP Phát triển Phân bón Đình Vũ	107.316.072.995	-	107.316.072.995	-
- Công ty CP Thương mại Abavia Việt Nam	37.427.350.000	32.934.145.000	4.493.205.000	-
- Công ty CP Đầu tư và TM Quốc tế Bình Minh Việt	85.861.577.458	71.005.577.458	14.856.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>250.156.452.751</b>	<b>106.841.233.092</b>	<b>143.315.219.659</b>	<b>486.123.467</b>
			<b>10.920.742.968</b>	<b>10.434.619.501</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Mẫu số B09-DN****10. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công cụ, dụng cụ	-	-	652.087.280	-
- Hàng hóa	50.039.495.798	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>50.039.495.798</b>	-	<b>652.087.280</b>	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.369.770</b>	<b>110.890.473</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	21.116.950
- Các khoản khác	1.369.770	89.773.523
<b>Dài hạn</b>	<b>15.422.014</b>	-
- Công cụ dụng cụ phân bổ	8.935.856	-
- Các khoản khác	6.486.158	-
<b>Cộng</b>	<b>16.791.784</b>	<b>110.890.473</b>

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Trong năm, Công ty đã tiến hành chuyển nhượng toàn bộ tài sản cố định vô hình là 2 thửa đất tại xóm Suối Nậy, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình với tổng số tiền thu được là 6.000.000.000 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2022	13.610.327.718	397.272.773	8.715.476.816	831.120.824	23.554.198.131
- Thanh lý, nhượng bán	(2.436.363.636)	-	(520.500.000)	-	(2.956.863.636)
31/12/2022	<u>11.173.964.082</u>	<u>397.272.773</u>	<u>8.194.976.816</u>	<u>831.120.824</u>	<u>20.597.334.495</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2022	(3.187.351.332)	(397.272.773)	(4.157.646.135)	(765.671.944)	(8.507.942.184)
- Khấu hao trong năm	(495.701.982)	-	(845.522.676)	(37.164.842)	(1.378.389.500)
- Thanh lý, nhượng bán	1.599.393.928	-	448.931.250	-	2.048.325.178
31/12/2022	<u>(2.083.659.386)</u>	<u>(397.272.773)</u>	<u>(4.554.237.561)</u>	<u>(802.836.786)</u>	<u>(7.838.006.506)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2022	10.422.976.386	-	4.557.830.681	65.448.880	15.046.255.947
31/12/2022	<u>9.090.304.696</u>	-	<u>3.640.739.255</u>	<u>28.284.038</u>	<u>12.759.327.989</u>

- Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố thế chấp đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2022 là 10.033.119.013 VND;

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 1.050.556.997 VND, tại ngày 01/01/2022 là 786.042.332 VND.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.980.833.810</b>	<b>6.980.833.810</b>	<b>109.629.662.701</b>	<b>109.629.662.701</b>
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và XNK Trần Trang	-	-	76.092.200.000	76.092.200.000
- Công ty Cổ phần XNK Đức Nguyễn - VT	-	-	19.648.827.780	19.648.827.780
- Công ty Cổ phần Liên doanh Nông Lâm Sản Việt Lào	-	-	7.141.300.000	7.141.300.000
- Công ty Cổ phần Công nghiệp lạnh Hưng Trí	1.262.500.000	1.262.500.000	1.262.500.000	1.262.500.000
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu hóa chất tại Hải Phòng	888.362.000	888.362.000	888.362.000	888.362.000
- Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Đình Vũ	-	-	751.782.442	751.782.442
- Fagro International Trading fze	2.885.758.440	2.885.758.440	2.818.505.595	2.818.505.595
- Khác hàng khác	1.944.213.370	1.944.213.370	1.026.184.884	1.026.184.884
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>6.980.833.810</b>	<b>6.980.833.810</b>	<b>109.629.662.701</b>	<b>109.629.662.701</b>

Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 32.1





**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Mẫu số B09-DN****15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	23.514.722.881	23.458.973.703	55.749.178
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	545.621.634	-	545.621.634	-
- Thuế thu nhập cá nhân	340.355	2.220.668.252	2.220.402.982	605.625
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	4.902.320	4.902.320	-
- Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
	<b>545.961.989</b>	<b>25.744.293.453</b>	<b>26.233.900.639</b>	<b>56.354.803</b>
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	210.000.000	210.000.000
	-	-	<b>210.000.000</b>	<b>210.000.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Nội dung	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>42.241.999.997</b>	<b>42.241.999.997</b>	<b>27.156.750.004</b>	<b>234.125.749.965</b>
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Thủ Đức (1)	24.265.000.000	24.265.000.000	-	53.170.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Bắc Hải Phòng	-	-	-	120.000.000.000
- Công ty CP Dầu tư và Tư vấn AZ	-	-	25.735.000.000	-
- Vay cá nhân (2)	16.077.000.000	16.077.000.000	-	58.577.000.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>1.899.999.997</b>	<b>1.899.999.997</b>	<b>1.421.750.004</b>	<b>2.378.749.965</b>
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hải Phòng (3)	1.899.999.997	1.899.999.997	1.421.750.004	2.378.749.965
<b>Vay dài hạn</b>	<b>816.666.655</b>	<b>816.666.655</b>	<b>-</b>	<b>163.598.416.659</b>
<b>Vay dài hạn</b>	<b>816.666.655</b>	<b>816.666.655</b>	<b>-</b>	<b>163.598.416.659</b>
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hải Phòng (3)	816.666.655	816.666.655	-	2.238.416.659
- Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các ICTD Việt Nam	-	-	-	161.360.000.000
<b>Cộng</b>	<b>43.058.666.652</b>	<b>43.058.666.652</b>	<b>27.156.750.004</b>	<b>397.724.166.624</b>

Vay và nợ với bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 32.1



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

**16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Thuyết minh chi tiết về các khoản vay tại thời điểm 31/12/2022:**

- (1) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đô theo Hợp đồng tín dụng số 1483 - LAV - 201700011 ngày 06/01/2017; hạn mức: 400.000.000.000 VND; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; hiệu lực hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2017; Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản, bao gồm:
  - Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trụ sở công ty: Số 23 lô 01 khu 97, Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng.
  - 9.200.579 cổ phiếu do Công ty CP Xuất nhập khẩu Quảng Bình phát hành, mã cổ phiếu QBS, hiện đang được niêm yết trên sàn Hose, tổng mệnh giá: 92.005.790.000 VND, các cổ phiếu này được đứng tên bởi bà Nguyễn Thị Thanh Hương.
  - Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 07, tờ bản đồ 02, địa chỉ: Phố Mới, xã Tân Dương, huyện Thụy Nguyên, thành phố Hải Phòng. GCN số BG 298225, số vào sổ cấp CH00878 do UBND huyện Thụy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 07/03/2012 cho ông Nguyễn Thanh Bình và bà Nguyễn Thị Thanh Hương.

- (2) Vay cá nhân: Vay cá nhân với lãi suất 0%, thời hạn vay 12 tháng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hình thức đảm bảo tiền vay: tín chấp;

- (3) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo các Hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số 82/2019/HĐTD/THU/01 ngày 13/02/2019; Hạn mức: 2.009.000.000 VND; Mục đích: Thanh toán tiền mua xe ô tô Mercedes - Benz S450 và phí bảo hiểm an tâm tín dụng; Thời hạn vay: 60 tháng đối với khoản vay ô tô và 36 tháng đối với khoản vay thanh toán phí BHATTD; Lãi suất vay: Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay;

- Hợp đồng tín dụng số 82/2019/HĐTD/THU/02 ngày 09/05/2019; Hạn mức: 7.499.999.886 VND; Mục đích: Thanh toán tiền mua 1 xe nâng hàng hiệu Kalmar Model DRU450-62S5 15LA - 1570; Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất vay: Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay;





**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Mẫu số B09-DN****16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp)****d. Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức (*)	VND	VND	VND	VND
	24.265.000.000	34.083.961.108	53.170.000.000	26.330.717.825
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng (**)	-	-	120.000.000.000	39.849.863.010
	<b>24.265.000.000</b>	<b>34.083.961.108</b>	<b>173.170.000.000</b>	<b>66.180.580.835</b>

(\*) Theo biên cuộc họp đấu giá khoản nợ của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức (Agribank Chi nhánh Thủ Đức) tại Trung tâm Dịch vụ Đầu tư và Tài sản thành phố Hải Phòng thì Công ty CP Đầu tư và Tư vấn AZ (viết tắt là Công ty AZ) đã mua lại khoản nợ của Công ty CP Xuất nhập khẩu Quảng Bình tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Thủ Đức. Tính đến ngày 31/12/2022, Công ty AZ đã chuyển thành công cho Agribank Chi nhánh Thủ Đức số tiền là: 25.735.000.000 đồng.

Ngày 03/01/2023, Công ty AZ đã thanh toán hết tiền mua lại khoản nợ trên cho Agribank Chi nhánh Thủ Đức đã gửi công văn tới Công ty CP Xuất nhập khẩu Quảng Bình thông báo khoản nợ trên đã thay đổi chủ nợ sang Công ty AZ.

Đến ngày 23/03/2023 thì Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình đã thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi vay cho Công ty AZ.

(\*\*) Công văn số 240/NHN.0.BHP-KHDN ngày 01/03/2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng thông báo về việc miễn, giảm tiền vay đối với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình. Đến ngày 05/04/2022 Công ty đã gửi giấy đề nghị miễn, giảm lãi kiểm phương án trả nợ gửi cho Agribank Chi nhánh Bắc Hải Phòng. Theo đó, đến thời điểm ngày 05/04/2022 thì số nợ gốc và lãi của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng với số tiền là 164.376.036.926 đồng bao gồm 120.000.000.000 đồng tiền gốc và 44.376.036.926 đồng tiền lãi. Công ty đề nghị Ngân hàng cho thanh toán 127.999.000.000 đồng bao gồm 120.000.000.000 đồng tiền gốc và 7.999.000.000 đồng tiền lãi và đã được Ngân hàng đồng ý. Công ty đã thanh toán đầy đủ 127.999.000.000 đồng như đã thỏa thuận với Ngân hàng. Theo công văn 406/NHN.0.BHP-KHDN ngày 08/04/2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng theo đó kể từ ngày 06/04/2022, Công ty đã thanh toán hết mọi nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi tại Agribank Chi nhánh Bắc Hải Phòng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Mẫu số B09-DN**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>34.842.535.241</b>	<b>116.180.008.765</b>
- Kinh phí công đoàn	16.160.424	29.991.184
- Phải trả lãi vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đô	34.083.961.108	26.330.717.825
- Phải trả lãi vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng	-	39.849.863.010
- Phải trả lãi vay Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam	-	49.227.948.037
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	742.413.709	741.488.709
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>34.842.535.241</b>	<b>116.180.008.765</b>
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>34.083.961.108</b>	<b>115.408.528.872</b>
- Phải trả lãi vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ đô	34.083.961.108	26.330.717.825
- Phải trả lãi vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng	-	39.849.863.010
- Phải trả lãi vay Công ty TNHH MTV. Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam	-	49.227.948.037





**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Mẫu số B09-DN****18. VỐN CHỦ SỞ HỮU****18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2021</b>	<b>693.299.280.000</b>	<b>(3.249.100.000)</b>	<b>15.692.449.297</b>	<b>(85.791.019.417)</b>	<b>619.951.609.880</b>
- Lãi trong năm 2021	-	-	-	4.579.376.522	4.579.376.522
- Giảm khác	-	-	-	(304.870.015)	(304.870.015)
<b>31/12/2021</b>	<b>693.299.280.000</b>	<b>(3.249.100.000)</b>	<b>15.692.449.297</b>	<b>(81.516.512.910)</b>	<b>624.226.116.387</b>
<b>01/01/2022</b>	<b>693.299.280.000</b>	<b>(3.249.100.000)</b>	<b>15.692.449.297</b>	<b>(81.516.512.910)</b>	<b>624.226.116.387</b>
- Lỗ trong năm 2022	-	-	-	(138.700.489.817)	(138.700.489.817)
<b>31/12/2022</b>	<b>693.299.280.000</b>	<b>(3.249.100.000)</b>	<b>15.692.449.297</b>	<b>(220.217.002.727)</b>	<b>485.525.626.570</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**18.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	693.299.280.000	693.299.280.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	693.299.280.000	693.299.280.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**18.3 CỔ PHIẾU**

	31/12/2022 CP	01/01/2022 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>359.357.021.692</b>	<b>1.523.133.726.355</b>
- Doanh thu bán hàng	356.878.290.000	1.519.003.829.885
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.478.731.692	4.129.896.470
<b>Cộng</b>	<b>359.357.021.692</b>	<b>1.523.133.726.355</b>

Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 32.1

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	355.782.248.916	1.460.503.588.902
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.388.223.039	3.597.276.612
<b>Cộng</b>	<b>359.170.471.955</b>	<b>1.464.100.865.514</b>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	348.534.164	447.230.214
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	270.000	241.294.283
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	2.454.682.211
<b>Cộng</b>	<b>348.804.164</b>	<b>3.143.206.708</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Chi phí lãi vay	21.508.602.092	43.954.870.693
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.375	1.317.936.633
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	323.593.368	-
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	3.239.046.154
- Hoàn nhập Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(61.708.494.843)	-
<b>Cộng</b>	<b>(39.876.285.008)</b>	<b>48.511.853.480</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Mẫu số B09-DN**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>139.227.729.712</b>	<b>9.691.043.808</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	3.224.387.301	4.154.829.170
- Chi phí đồ dùng văn phòng	64.293.702	83.632.292
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	1.221.851.008	1.281.317.217
- Thuế, phí và lệ phí	9.804.900	4.000.000
- Chi phí dự phòng	132.880.600.158	2.913.516.048
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.410.586.034	793.989.296
- Chi phí bằng tiền khác	416.206.609	459.759.785
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>1.056.974.720</b>	<b>196.879.496</b>
- Chi phí khấu hao TSCĐ	111.946.720	196.879.496
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	945.028.000	-
<b>Cộng</b>	<b>140.284.704.432</b>	<b>9.887.923.304</b>

**24. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	15.717.270
- Chi phí lãi vay được miễn, giảm (*)	36.377.036.926	-
- Tiền phạt thu được	-	3.500.000.000
- Các khoản khác	21.101.000	1.362.150.317
<b>Cộng</b>	<b>36.398.137.926</b>	<b>4.877.867.587</b>

(\*) Công ty được miễn, giảm tiền lãi vay với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng với số tiền 36.377.036.926 đồng, chi tiết xem tại thuyết minh số 16.d phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**25. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý TSCĐ	74.405.811.185	201.650.000
- Xử lý dự án đầu tư	319.545.455	-
- Phạt vi phạm hợp đồng	205.580	2.500.000.000
- Các khoản chi phí khác	500.000.000	77.510.196
<b>Cộng</b>	<b>75.225.562.220</b>	<b>2.779.160.196</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(138.700.489.817)</b>	<b>5.874.998.156</b>
<b>Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>	<b>22.957.997.489</b>	<b>603.562.207</b>
- Khấu hao TSCĐ có Nguyên giá > 1,6 tỷ	254.388.000	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	323.593.368	271.664.011
- Chi phí không hợp lý khác	22.380.016.121	331.898.196
<b>Các khoản thu nhập không chịu thuế TNDN</b>	<b>-</b>	<b>452.193</b>
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	452.193
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>(115.742.492.328)</b>	<b>6.478.108.170</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>	<b>-</b>	<b>1.295.621.634</b>
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>1.295.621.634</b>
<b>27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU</b>	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(138.700.489.817)	4.579.376.522
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	69.329.928	69.329.928
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>(2.001)</b>	<b>66</b>
<b>28. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU</b>		
Ban Điều hành Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.		
<b>29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ</b>	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Chi phí nguyên vật liệu	64.293.702	83.636.293
- Chi phí nhân công	3.224.387.301	4.154.829.170
- Khấu hao tài sản cố định	1.378.389.500	1.487.038.485
- Chi phí dự phòng	132.880.600.158	2.913.516.048
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.592.745.301	2.609.239.296
- Chi phí bằng tiền khác	1.532.511.509	2.236.944.624
<b>Cộng</b>	<b>143.672.927.471</b>	<b>13.485.203.916</b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**30. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Trong năm, Công ty chủ yếu phát sinh doanh thu thương mại kinh doanh mặt hàng phân bón hóa chất chiếm trên 99% tổng doanh thu và toàn bộ hoạt động tại thị trường Việt Nam. Do đó, Công ty không tiến hành lập Báo cáo Bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và nhận thấy thông tin bộ phận là không trọng yếu cho người sử dụng báo cáo tài chính.

**31. CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Trong năm 2022, Công ty có các phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
Giảm khoản lãi vay phải trả từ việc miễn, giảm lãi vay của ngân hàng	36.377.036.926	-
Giảm khoản gốc vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Thủ Đô sang Công ty CP Đầu tư và Tư vấn AZ	25.735.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>62.112.036.926</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Mẫu số B09-DN**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**32. THÔNG TIN KHÁC**

**32.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Các Bên liên quan của Công ty bao gồm:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình - Đĩnh Vũ (*)	Công ty con đến ngày 28/06/2022
- Ông Hoàng Văn Hưng	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Cát Long	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Chủ tịch Hội đồng Quản trị công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Xuất nhập khẩu Cát Long đến 14/10/2021

**Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
- Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình - Đĩnh Vũ	Dịch vụ thuê kho	615.000.000	1.650.000.000
	Cho vay	2.100.000.000	4.765.000.000
	Thu tiền cho vay	1.965.000.000	2.800.000.000
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Cát Long	Bán hàng hóa	-	140.300.924.500
	Mua hàng hóa	-	272.112.870.568
	Phạt hợp đồng	-	3.500.000.000
- Ông Hoàng Văn Hưng - Ông Nguyễn Thanh Bình	Trả gốc tiền vay	7.490.000.000	-
	Trả gốc tiền vay	4.810.000.000	-

**Số dư với các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình - Đĩnh Vũ (*)	Phải thu khách hàng	-	6.652.011.255
	Phải thu về cho vay	-	1.965.000.000
- Ông Hoàng Văn Hưng	Vay ngắn hạn	-	7.490.000.000
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Vay ngắn hạn	14.077.000.000	18.887.000.000

(\*) Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình đã thoái toàn bộ vốn tại Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình - Đĩnh Vũ vào ngày 28/06/2022. Giá trị giao dịch giữa 2 công ty được xác định cho từ ngày 01/01/2022 đến ngày 28/06/2022.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022	Năm 2021
- Bà Vũ Thị Dương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (từ ngày 21/07/2022)	84.459.896	-
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (đến ngày 21/07/2022)	248.617.171	273.306.150
- Bà Hà Thị Mai Hương	TV Hội đồng Quản trị	183.345.307	152.912.754
- Bà Lê Thị Thanh Hải	TV Hội đồng Quản trị	45.360.000	6.480.000
- Ông Hoàng Văn Hưng	Tổng Giám đốc	130.754.772	155.343.227
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	132.783.757	156.330.150
- Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	128.219.690	136.859.456
- Bà Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng Ban Kiểm soát	77.760.000	77.760.000
- Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	58.320.000	58.320.000
<b>Cộng</b>		<b>1.089.620.593</b>	<b>1.017.311.737</b>

**32.2 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Trong năm 2022, doanh thu của Công ty giảm 76,41% so với năm 2021, sự sụt giảm chủ yếu đối với lĩnh vực thương mại; cùng với đó là việc thu hẹp quy mô hoạt động thông qua thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn, các tài sản cố định, đồng thời kết quả kinh doanh lỗ 138.700.489.817 đồng (lỗ lũy kế 220.217.002.727 đồng), dòng tiền lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh âm 104.388.281.513 đồng. Điều đó dẫn đến yếu tố nghi ngờ khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai. Hiện tại, Công ty đang tiến hành tái cấu trúc các hoạt động kinh doanh, cũng như đơn đốc thu hồi các khoản công nợ phải thu khách hàng để thu hồi vốn chi trả các khoản gốc và lãi quá hạn thanh toán với ngân hàng và nhà cung cấp. Đến thời điểm 23/03/2023, Công ty đã tắt toán toàn bộ khoản nợ gốc và lãi quá hạn với Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn AZ (Công ty đã mua thành công khoản nợ từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức) đồng thời Công ty đang nghiên cứu đầu tư, triển khai, mở rộng các hoạt động kinh doanh mang lại hiệu quả. Do đó, Ban điều hành Công ty vẫn lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 trên cơ sở hoạt động liên tục.

**32.3 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo biên cuộc họp đấu giá khoản nợ của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức (Agribank Chi nhánh Thủ Đức) tại Trung tâm Dịch vụ Đấu giá Tài sản thành phố Hải Phòng thì Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn AZ (viết tắt là Công ty AZ) đã mua lại khoản nợ của Công ty CP Xuất nhập khẩu Quảng Bình tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Thủ Đức. Tính đến ngày 31/12/2022, Công ty AZ đã chuyển thành công cho Agribank Chi nhánh Thủ Đức số tiền là: 25.735.000.000 đồng.

Ngày 03/01/2023, Công ty AZ đã thanh toán hết tiền mua lại khoản nợ trên cho Agribank Chi nhánh Thủ Đức đã gửi công văn tới Công ty CP Xuất nhập khẩu Quảng Bình thông báo khoản nợ trên đã thay đổi chủ nợ sang Công ty AZ. Đến ngày 23/03/2023 thì Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình đã thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi vay cho Công ty AZ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Mẫu số B09-DN**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**32.4 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Thị Thanh Thúy

Trần Thị Yên Chi

Vũ Thị Dương



Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2023

**Kính gửi** : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam

- Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

- Căn cứ Khoản 4 điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

- Căn cứ quy trình công bố thông tin của Công ty CP xuất nhập khẩu Quảng Bình.

### **1. Giải trình lợi nhuận sau kiểm toán BCTC năm 2022**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (Mã cổ phiếu: QBS) xin giải trình về chỉ tiêu số 60: Lợi nhuận sau thuế trên BCTC năm 2022 như sau:

Lợi nhuận sau thuế trên BCTC năm 2022 của công ty là (138,7) tỷ đồng, giảm 143,279 tỷ đồng so với lợi nhuận cùng kỳ của năm 2021 (Lợi nhuận sau thuế của năm 2021 là 4,579 tỷ đồng). Nguyên nhân được xác định như sau:

- Năm 2022, lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 58,85 tỷ so với năm 2021 (lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ của năm 2021 là 59,03 tỷ đồng).

- Công ty CP XNK Quảng Bình đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần của Công ty CP Cảng Cạn Quảng Bình- Đình Vũ do đơn vị mình nắm giữ cho Công ty TNHH MTV trung tâm Logistic xanh. Sau khi hoàn tất chuyển việc chuyển nhượng cổ phần trên, công ty Quảng Bình đã được hoàn nhập số tiền đã trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con số tiền là 59,21 tỷ đồng. Vì vậy, chi phí tài chính năm 2022 giảm 88,39 tỷ đồng so với năm 2021 (chi phí tài chính của năm 2021 là 48,51 tỷ đồng). Đồng thời công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi năm 2022 là 143,32 tỷ đồng, tăng 132,395 tỷ đồng so với năm 2021.

- Thu nhập khác tăng 31,52 tỷ đồng so với năm 2021 do công ty đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay tại ngân hàng Agribank chi nhánh Bắc Hải Phòng, số tiền lãi được giảm trừ là 36,38 tỷ đồng. Chi phí khác tăng 72,45 tỷ so năm 2021 do năm 2022 công ty thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất của 02 lô đất với tổng diện tích 6.810 m<sup>2</sup> tại xóm Suối Nảy, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình với nguyên giá 80,4 tỷ đồng.





## 2. Giải trình chênh lệch sau kiểm toán BCTC năm 2022

Liên quan đến khoản chênh lệch giữa Báo cáo tài chính năm 2022 do Công ty Cổ phần XNK Quảng Bình lập và Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội- Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY, Công ty Cổ phần XNK Quảng Bình xin được giải trình các thông tin như sau:

Khoản mục	Mã số khoản mục	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(44.184.203.172)	(138.700.489.817)	(94.516.286.645)

Nguyên nhân do Ban Điều hành Công ty đã đánh giá lại đối với các khoản nợ đã quá hạn thanh toán, nên đã trích lập bổ sung dự phòng nợ phải thu khó đòi với tổng số tiền là 94.470.456.096 đồng.

Ngoài ra còn có 1 số điều chỉnh khác sau khi rà soát lại số liệu.

Từ các nguyên nhân chính nêu trên khiến cho Chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế TNDN” trên Báo cáo tài chính được lập bởi Công ty đang phản ánh không chính xác so với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán với số tiền là 94.516.286.645 đồng.

Bằng công văn này, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình kính giải trình lên HOSE và UBCKNN về số liệu lợi nhuận sau thuế đối với Kết quả kinh năm 2022 của Công ty.

*Trân trọng.*

**Nơi nhận:**

- Như Kính gửi
- Lưu VP



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*Vũ Thị Dương*

